

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA



KHPC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA



Nha Trang, tháng 4 năm 2009

MỤC LỤC

Lịch sử hoạt động của Công ty	Trang 03
Báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty	Trang 06
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty	Trang 11
Các công ty có liên quan	Trang 17
Tổ chức và nhân sự	Trang 17
Thông tin cổ đông và quản trị Công ty	Trang 22
Báo cáo tài chính đã kiểm toán	Trang 25

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Niên yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

1. Những sự kiện quan trọng:

a. Việc thành lập:

- Sở quản lý và phân phối điện Phú Khánh được thành lập theo quyết định số 3799 QĐ/TCCB ngày 14/4/1976 của Bộ điện và than. Từ tháng 4/1976 đến 1981: Sở Quản lý và Phân phối điện Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện lực Miền Trung - Bộ Điện và Than.
- Từ năm 1981 đến tháng 10/1989: đổi tên thành Sở Điện lực Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện Lực 3 - Bộ Năng lượng.
- Từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1993: đổi tên thành Sở Điện lực Khánh Hòa trực thuộc Công ty Điện lực 3 – Bộ Năng lượng (do tách hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa).
- Ngày 08/03/1996 đổi tên thành Điện Lực Khánh Hoà, trực thuộc Công ty Điện lực 3 - Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam theo Quyết định số 261/ĐVN/TCCB-LĐ của Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam.

b. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

- Ngày 06/12/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Điện lực Khánh Hoà thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà.
- Ngày 01/07/2005 Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hoà chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ là 163.221.000.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% tương đương 83.242.800.000 đồng.

c. Niêm yết:

- Ngày 12/7/2005 Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội có quyết định số 06/QĐ-TTGDCKHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
- Ngày 08/12/2006 Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết số 107/UBCK-GPNY cho cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán TPHCM, ngày 27/12/2006 cổ phiếu KHP của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm GDCK TPHCM.
- Ngày 05/09/2007 phát hành thêm và niêm yết bổ sung 1.086.986 cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2006 được miễn và chia cổ tức đợt 3 năm 2006: 10.869.860.000 đồng. Vốn điều lệ: 174.090.860.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% tương đương 88.792.320.000 đồng.

2. Quá trình phát triển:

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng; Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel;
- Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110 kV;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110 kV và các công trình viễn thông;
- Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm điện có cấp điện áp đến 110 kV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; kinh doanh thiết bị viễn thông; kinh doanh thương mại, dịch vụ khách sạn, thiết bị và phần mềm máy vi tính, bất động sản. Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng. Vận chuyển hàng hoá;
- Thiết kế điện công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp dưới 110 kV cấp 2, nhà máy điện cấp 4; Thí nghiệm điện;
- Kinh doanh các dịch vụ: viễn thông công cộng và Internet, truyền thông, quảng cáo; cho thuê văn phòng;
- Hoạt động tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm;

b. Tình hình hoạt động:

Từ sau khi cổ phần hoá, Công ty đã tăng cường củng cố cơ cấu tổ chức và cải tiến phương pháp quản lý, sắp xếp gọn nhẹ bộ máy đảm bảo hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài lĩnh vực kinh doanh điện năng, Công ty mở rộng sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực khác như đại lý kinh doanh viễn thông công cộng, kinh doanh vật tư thiết bị điện, tư vấn và thi công xây lắp các công trình điện, góp vốn thành lập các công ty cổ phần đầu tư thủy điện nhỏ, chế tạo thiết bị điện, sản xuất sản phẩm bê tông ly tâm dự ứng lực, bất động sản, chứng khoán,...

Kết quả kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng, vượt mức kế hoạch lợi nhuận Đại hội cổ đông giao, tình hình hoạt động của Công ty ổn định và có chiều hướng phát triển tốt.

3. Định hướng phát triển:

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Cung cấp điện ổn định, đầy đủ cho nhu cầu khách hàng sử dụng điện trên địa bàn Công ty quản lý. Tăng cường công tác phát triển khách hàng, cải tạo và phát triển lưới điện, phân đấu giảm tổn thất điện năng, mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ khách hàng sử dụng điện nhằm tăng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty một cách bền vững.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả ở các lĩnh vực tiềm năng như kinh doanh dịch vụ điện, viễn thông công cộng, sử dụng có hiệu quả lợi thế về vốn và vị trí địa lý các mặt bằng Công ty đang quản lý trong hoạt động về tài chính và bất động sản.
- Mở rộng liên doanh đầu tư chiến lược vào các ngành nghề mới như sản xuất thiết bị điện, đầu tư xây dựng thủy điện nhỏ ...

b. Chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn:

- Giai đoạn 2009 - 2010: tập trung cải tạo lưới điện để nâng cao năng lực cấp điện và giảm tổn thất điện năng một cách bền vững, xây dựng và tìm kiếm các nguồn vốn đầu tư ưu đãi cho các dự án điện các khu kinh tế trọng điểm của Tỉnh Khánh Hoà. Phát huy hiệu quả các ngành nghề đang kinh doanh, đảm bảo ổn định mức lợi nhuận cho công ty. Củng cố nội lực để chuẩn bị cho hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi nền kinh tế hồi phục và phát triển.
- Giai đoạn 2011 - 2015: Dự báo sản lượng điện thương phẩm toàn tỉnh Khánh Hòa sẽ đạt gần 2 tỷ kWh, tăng trưởng ổn định ở mức 15%-20%. Trên cơ sở này, Công ty sẽ tập trung đầu tư phát triển lưới điện để cấp điện cho các khách hàng trọng điểm (khu công nghiệp, khu du lịch, khu kinh tế trọng điểm,...), chủ động trong việc xây dựng phương án giá mua bán điện khi thị trường điện hình thành. Tham gia đầu tư kinh doanh trên các lĩnh vực tiềm năng và lợi thế của Công ty như: đầu tư và khai thác nguồn thủy điện nhỏ, sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, bất động sản, du lịch, công nghệ thông tin, sản phẩm bê tông ly tâm dự ứng lực ...

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2008:

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa hiện là Công ty phân phối kinh doanh điện đầu tiên và duy nhất đến thời điểm này của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện cổ phần hóa.

Trong năm 2008, hoạt động điều hành của bộ máy lãnh đạo và quản lý Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tích cực cải tiến phương pháp quản lý, sắp xếp bộ máy tổ chức gọn nhẹ, bố trí cán bộ quản lý phù hợp với khả năng, chú trọng công tác đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ lao động nhờ đó đã đem lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra. Nhận thức của đội ngũ CBCNV Công ty đã có những chuyển biến tích cực, ý thức của người lao động được nâng lên, tư tưởng ổn định và tin tưởng vào sự hoạt động và phát triển của Công ty.

HĐQT Công ty thường xuyên họp định kỳ mỗi quý một lần, đều có mời thành viên Ban kiểm soát tham dự, giữa hai kỳ họp còn lấy ý kiến bằng văn bản. Trong năm đã ban hành 56 Nghị quyết và giao cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương điều hành của HĐQT đối với Công ty. Do có Chủ tịch HĐQT chuyên trách nên công tác giám sát điều hành của HĐQT đối với hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc Công ty sâu sát và tham gia các ý kiến đóng góp vào công tác lãnh đạo điều hành của Ban Tổng Giám Đốc kịp thời, hiệu quả hơn.

Trong năm 2008, tốc độ tăng trưởng điện năng của tỉnh Khánh Hòa đạt khoảng 7%, cao hơn so với năm 2007 (5,5%). Tuy nhiên, so với các giai đoạn trước đây, tốc độ tăng trưởng điện năng đạt thấp (bình quân giai đoạn 1996-2000 tăng 13,47%/ năm; bình quân giai đoạn 2001-2005: 9%). Tỷ trọng các ngành nghề trong cơ cấu phụ tải cũng có thay đổi đáng kể. Công ty đã thực hiện việc tiếp nhận và quản lý vận hành toàn bộ đường dây và trạm biến áp 110kV Khánh Hòa làm tăng đáng kể năng lực sản xuất và tài sản của Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh điện của Công ty trong thời gian đến.

Với những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, ổn định và luôn đem lại lợi nhuận của Công ty trong các năm qua. Đồng thời là một công ty cổ phần niêm yết trên sàn chứng khoán HoSE, luôn tuân thủ đúng các quy định về tính minh bạch trong các báo cáo tài chính, công bố thông tin kịp thời. Ngày 19/10/2008, Công ty đã vinh dự được nhận giải thưởng **“Thương hiệu chứng khoán uy tín”** và **“Công ty cổ phần hàng đầu”**. Năm 2008, Công ty đoạt giải **“Cúp vàng doanh nghiệp hội nhập và phát triển lần 2”**.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2008 :

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành	so với năm 2007
1. Điện mua và điện phát	Tr.kWh	966,513	940,223	97,28	108,5%
1.1 Điện phát	Tr.kWh	0,780	0,268		

1.2 Điện mua	tr.kWh	965.733	939,955	97,33	108,75%
2. Điện thương phẩm (điện bán)	tr.kWh	897,890	873,402	97,27	107%
3. Tỷ lệ tổn thất điện năng (*)	%	7,10	6,93	-0,17	+1,16
6. Giá bán điện bình quân	đ/kWh	892,63	897,68	+5,05	+12,05
7. Doanh thu bán điện (chưa có VAT& kể cả CSPK)	Tỷ đồng	801,483	786,711	98,16	108,83
8. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	32,239	52,550	163,00	113,28
9. Thuế TNDN	Tỷ đồng	9,027	18,698	207,13	143,64
10. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	23.212	33,852	145,84	101,44

Ghi chú:

(*) Tỷ lệ tổn thất điện năng năm 2008 tính cả tổn thất lưới điện 110kV Khánh Hòa tiếp nhận (Tổn thất điện năng của lưới điện 110kV là 1,47%).

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm :

Trong năm 2008, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2008, Công ty đã tiến hành xây dựng phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng để tài trợ cho việc chi trả tài sản lưới điện 110kV Khánh Hòa tiếp nhận. Tuy nhiên, do sự giảm sút đáng kể của thị trường chứng khoán nên kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty chưa thực hiện được.

Trong năm 2007, Công ty đã góp vốn với Công ty Tuấn Ân thành lập Công ty cổ phần Tuấn Ân Khánh Hoà với số tiền là 3,15 tỷ đồng, chiếm 45% vốn điều lệ Công ty. Sau 1 năm đi vào hoạt động, bước đầu Công ty này có lãi nhưng do quá trình triển khai hoạt động SXKD của công ty này không đạt mục tiêu chung mà hai bên đã đặt ra, do đó HĐQT Công ty đã quyết định thu hồi vốn đã góp. Đến tháng 12/2008 công ty đã thu hồi đủ vốn và lãi trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hiện nay Công ty đã thành lập cửa hàng kinh doanh vật tư thiết bị điện để phục vụ cho nhu cầu SXKD của Công ty cũng như cung cấp vật tư thiết bị điện cho khách hàng.

Trong năm 2008, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập các công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực sản xuất như sau:

❖ Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa:

Nhằm đáp ứng nhu cầu về các sản phẩm bê tông ly tâm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như cho thị trường khu vực , ngày 27/02/2008, Công ty đã tham gia góp vốn cùng với Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang thành lập Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (KPCECO) với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, trong đó Công ty góp vốn 3,1 tỷ đồng chiếm 31% vốn điều lệ KPCECO.

Lĩnh vực hoạt động chính của KPCECO bao gồm: sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; vận tải hàng hóa đường bộ; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí; xây lắp công nghiệp.



Lễ khởi công xây dựng Nhà máy Bê tông ly tâm dự ứng lực trước

Ngày 05/11/2008 Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa đã khởi công xây dựng Nhà máy Bê tông ly tâm dự ứng lực tại Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Đắc Lộc - Vĩnh Phương - Nha Trang - Khánh Hòa.

Sản phẩm chính của Nhà máy là trụ điện, cọc, ống bê tông ly tâm dự ứng lực và ống cống bê tông ly tâm các loại; thi công nền móng công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường và thoát nước; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy bê tông ly tâm dự ứng lực Khánh Hòa với công suất thiết kế 8.000 trụ điện, 8.200 cọc ống, 13.200 ống cống bê tông ly tâm các loại/ năm, có tổng vốn đầu tư 44.684.571.000 đồng. Trong đó vốn cố định 36.947.811.000 đồng, vốn lưu động 7.736.008.000 đồng.

Theo tiến độ chung, giai đoạn thi công xây dựng Nhà máy được triển khai trong tháng 11 và tháng 12/2008, từ giữa tháng 12/2008 bắt đầu triển khai tiếp nhận và lắp đặt máy móc thiết bị. Đầu tháng 04/2009 nhà máy sẽ đi vào giai đoạn hoàn thiện, sản xuất thử sản phẩm và chính thức đi vào sản xuất trong tháng 5/2009.

❖ **Góp vốn thành lập Công ty CP Thiết bị Điện VINASINO (VSEE JSC):**

Ngày 17/10/2008, HĐQT Công ty đã có Nghị quyết về việc tham gia góp vốn cùng với các Công ty điện lực và Công ty TNHH Đầu tư Điện lực Triết Giang – Trung Quốc thành lập Công ty Cổ phần Thiết bị Điện VINASINO (VSEE JSC) với số vốn góp là 5,775 tỷ đồng chiếm 5% vốn điều lệ VSEE JSC.



DHDCD sáng lập ngày 27/10/2008

VSEE JSC được thành lập với mục tiêu kinh doanh là tận dụng ưu thế của các bên tham gia góp vốn về năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ chuyên biệt và thị trường địa phương để sản xuất và bán các thiết bị điện/điện tử và các sản phẩm liên quan; thực hiện các hoạt động đầu tư.

Ngày 12/02/2009, VSEE JSC đã tiến hành lễ ký kết thuê đất xây dựng nhà xưởng và lắp ráp thiết bị chế tạo công tơ điện tử tại KCN Long Hậu, huyện Cần Giuộc tỉnh Long An. Các sản phẩm chính bao gồm: biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện, công tơ điện tử ...

Các lĩnh vực đầu tư khác:

❖ Lĩnh vực cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng:

Năm 2008 bùng nổ về thị trường thông tin di động và viễn thông công cộng, sự cạnh tranh mạnh mẽ của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác đã làm cho hoạt động của Công ty trong lĩnh vực này chưa đem lại hiệu quả cao.

Đến nay, hoạt động kinh doanh viễn thông điện lực đã triển khai tất cả các dịch vụ viễn thông như điện thoại cố định không dây, điện thoại di động, điện thoại cố định có dây, Internet ADSL và Internet trên truyền hình cáp. Số lượng thuê bao phát triển nhanh, đến cuối năm 2008 Công ty đã xây dựng được 43 trạm BTS có 29.093 thuê bao khách hàng đang sử dụng dịch vụ CDMA, 1.362 khách hàng sử dụng dịch vụ Internet, 176 khách hàng sử dụng dịch vụ điện thoại cố định có dây ETel với doanh thu cả năm đạt 13,574 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 triệu đồng (đã trích lập dự phòng nợ khó đòi gần 900 triệu đồng). Hiện Công ty đang tập trung củng cố hoạt động kinh doanh và tích cực thu hồi nợ cước tồn đọng.

❖ Hợp tác kinh doanh thành lập Nhà sách FAHASA Nha Trang:

Nhằm tận dụng lợi thế về mặt bằng kinh doanh, Công ty đã hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Phát hành sách TP Hồ Chí Minh thành lập Nhà sách FAHASA Nha Trang để đem về thêm lợi nhuận cho Công ty (120 triệu đồng/tháng). Ngày

10/10/2008, Nhà sách FAHASA Nha Trang đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động.

❖ **Tăng tỷ lệ vốn góp vào Công ty cổ phần thủy điện Sông Chò:**

Tăng tỷ lệ góp vốn giữ cổ phần chi phối tại Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chò (từ 20% lên 45 %) để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Sông Chò 2 (7 MW) và Nhà máy thủy điện Sông Chò 1 (11 MW).

4. Triển vọng và kế hoạch tương lai:

- Công ty thực hiện cải tạo, đầu tư xây dựng lưới điện 110kV và lưới điện trung, hạ áp nhằm đảm bảo cung cấp điện ổn định và đầy đủ cho nhu cầu sử dụng của khách hàng trong địa bàn Tỉnh. Đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành đường dây nhánh rẽ và TBA 110kV Nam Cam Ranh cấp điện cho Nhà máy nghiền xi măng Cam Ranh vào Quý 3/2009.

- Hoàn thành kế hoạch tiếp nhận lưới điện quân đội trên địa bàn Công ty quản lý.

- Tổ chức xây dựng phương án mở rộng và phát triển sản xuất của Xí nghiệp Cơ điện – Thí nghiệm nhằm nâng cao năng lực hoạt động cơ khí điện lực của Xí nghiệp đáp ứng cho yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra kết hợp với Công ty cổ phần Bất động sản EVN LAND NHATRANG nghiên cứu các dự án đầu tư bất động sản (với các lợi thế về các vị trí đất Công ty đang sử dụng):

- Dự án đầu tư xây dựng cao ốc phức hợp tại 11 Lý Thánh Tôn – Nha Trang.

- Dự án đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Điện lực 22,2 ha tại Khu du lịch Bãi Dài, Cam Ranh.

- Dự án đầu tư Khách sạn Điện lực tại 28 Trần Phú, Nha Trang.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản cố định/Tổng tài sản		52,90%	70,85%
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản		47,10%	29,15%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		54,23%	70,51%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		45,77%	29,49%
3	Khả năng thanh toán	lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,01	1,44
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,84	1,42
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản		9,90%	6,58%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		6,11%	5,31%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH		21,88%	19,18%

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2008: Tổng tài sản của Công ty vào thời điểm 31/12/2008 là **798.289.441.051 đồng**;

- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2008 là **174.090.860.000 đồng**.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

Cổ phiếu phổ thông: **17.409.086** cổ phiếu.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: *không có*

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Cổ phiếu phổ thông : **17.409.086 CP**

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ: *không có*

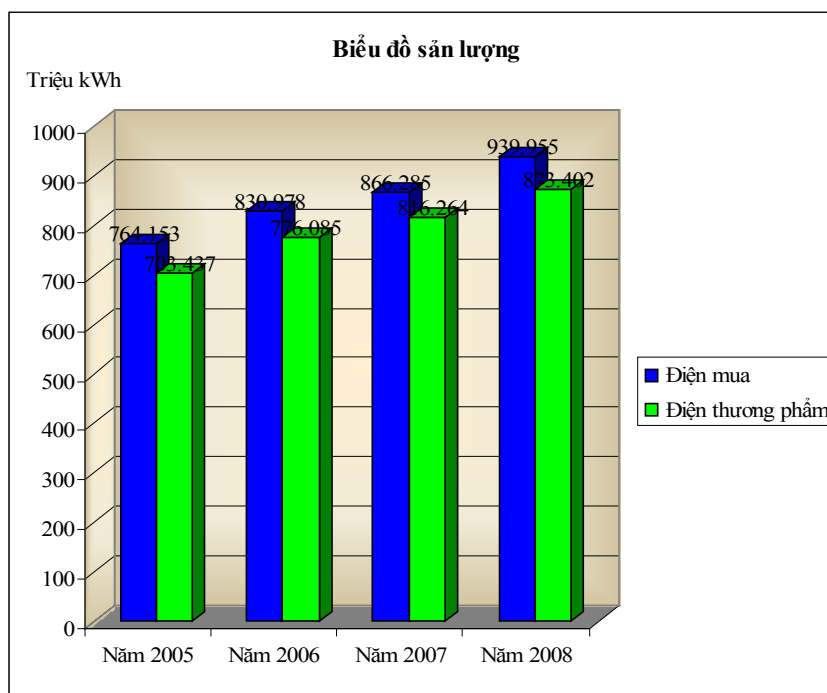
- Cổ tức: Tính đến thời điểm 31/12/2008, Công ty đã trả cổ tức đợt 1 năm 2008 cho cổ đông là 4% vốn điều lệ (với số tiền là 6.963.634.400 đồng). Dự kiến Công ty sẽ chi trả cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt với tỷ lệ 6% và cổ phiếu 7,24%. Đồng thời phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ từ nguồn thuế TNDN năm 2007 được miễn và được giảm năm 2008.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2008, sự ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới đã tác động đến nền kinh tế trong nước, điều này đã làm ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động SXKD của Công ty. Sản lượng điện thương phẩm đạt 97,27 % so với kế hoạch do nhiều nguyên nhân:

- Sản lượng điện tiêu thụ của nhà máy Tàu biển Hyundai-VinaShin giảm đáng kể do chuyển từ hoạt động sửa chữa sang đóng mới, so với năm 2007 giảm 18 %.
- Khách hàng Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang cắt giảm hoạt động sản xuất kinh doanh, sản lượng tiêu thụ giảm 10 % so với năm 2007.

- Thực hiện tiết kiệm điện và tiết giảm điện theo sự chỉ đạo và điều hành của EVN. Tình hình thiếu nguồn điện xảy ra nghiêm trọng trong Quý 3/2008.
- Tình hình tiêu thụ điện trên địa bàn Tỉnh Khánh Hoà giảm thấp trong nhiều năm qua.



- Điện mua trong năm 2008 thực hiện đạt 97,28 % so với kế hoạch, tăng 8,5% so với năm 2007. Điện thương phẩm thực hiện đạt 97,27 % so với kế hoạch, tăng 7 % so với năm 2007.

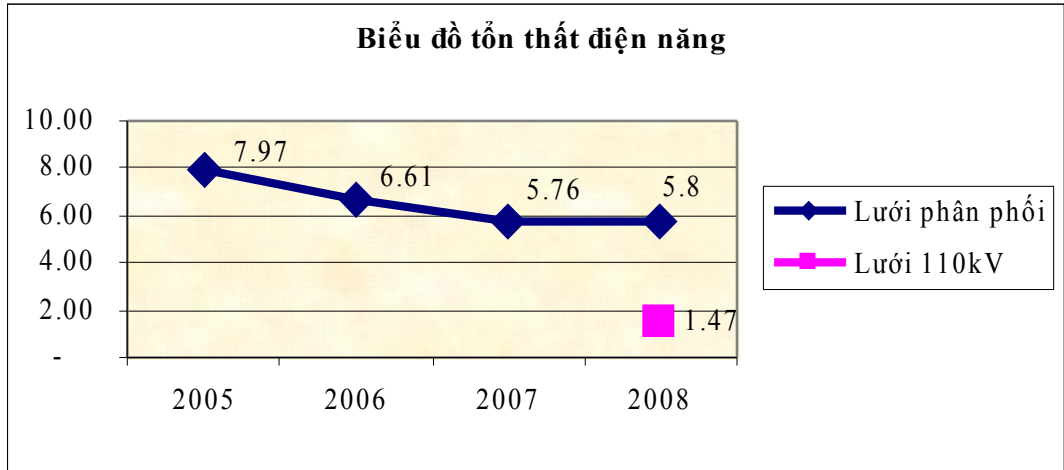
- Doanh thu bán điện thực hiện (chưa có thuế VAT và không tính doanh thu bán công suất phản kháng): 786,711 tỷ đồng , đạt 98,16 % kế hoạch (do sản lượng điện nhận không đạt so với kế hoạch), tăng 8,62 % so với năm 2007;

Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng Công ty đã đề ra những biện pháp kịp thời giải quyết có hiệu quả nên các chỉ tiêu về hoạt động SXKD trong năm 2008 đã đạt được những kết quả cao so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra:

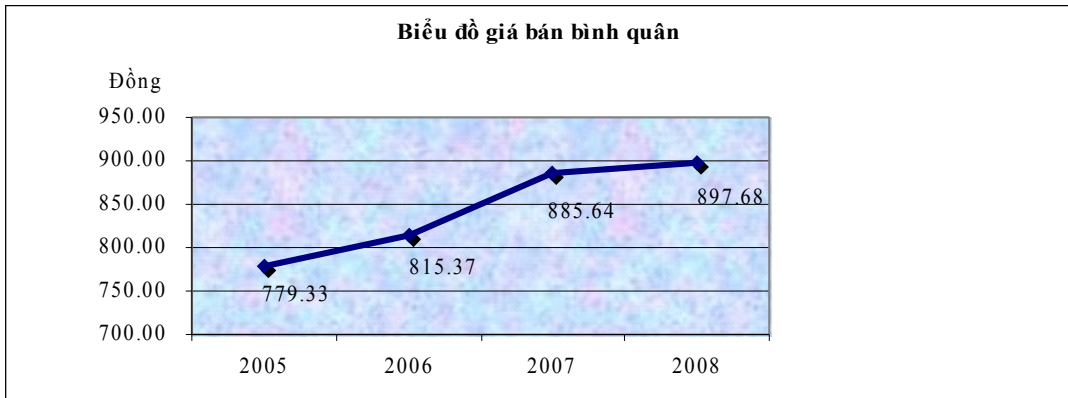
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 51,975 tỷ đồng, bằng 161,22 % kế hoạch, tăng 19,36 tỷ đồng so với kế hoạch.

Các nguyên nhân đã góp phần quan trọng cho Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra như:

- **Về chi phí sản xuất:** Công ty đã thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh điện năng, thực hiện 750,546 tỷ đồng (kể cả chi phí mua điện), giảm 5,4% so với kế hoạch.
- **Về chỉ tiêu tổn thất điện năng:** Trong năm 2008, Công ty đã tiếp nhận và quản lý vận hành lưới điện 110kV Khánh Hòa nên tỷ lệ tổn thất điện năng của Công ty bao gồm cả tổn thất lưới điện 110kV. Mặc dù mới được tiếp nhận lưới điện 110kV, nhưng với sự nỗ lực cố gắng phân đấu của CBCNV Công ty đã hoàn thành được chỉ tiêu về tổn thất điện năng của lưới điện này là 1,47 %, giảm so với kế hoạch là 0,03%.



- Về chỉ tiêu giá bán điện bình quân:



Giá bán bình quân năm 2008 thực hiện 897,68 đồng/kWh tăng 1,88 đồng/kWh so với kế hoạch và tăng 12,04 đồng/kWh so với năm 2007;

- Về hoạt động sản xuất khác:

Trong năm 2008, lợi nhuận sản xuất khác thực hiện được 15,81 tỷ đồng, tăng 4,7 % so với kế hoạch, bao gồm:

- Thu nhập từ tiếp nhận tài sản lưới điện bàn giao của khách hàng không đề nghị hoàn trả vốn. Nguồn thu nhập này là 7,585 tỷ đồng.

- Lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh khác như: xây lắp, khảo sát thiết kế, mắc dây đặt đèn, cho thuê tài sản, sản phẩm BTLT, ... đã đem lại lợi nhuận 8,226 tỷ đồng.

Năm 2008 Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho cổ phiếu Công ty CK Hà Thành với số tiền 11,25 tỷ đồng. Ngoài ra, tình hình tỷ giá ngoại tệ so với VNĐ tăng mạnh nên chênh lệch tỷ giá các tài khoản có gốc ngoại tệ làm tăng chi phí lên 2,773 tỷ đồng.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

❖ Cơ cấu tổ chức:

Trong năm 2008, hoạt động quản lý của HĐQT và hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã được tách rời. Ngày 14/5/2008, ĐHCĐ thường niên đã thống nhất thông qua việc đồng ý đề ông Bùi Quang Hùng thôi kiêm nhiệm chức vụ

Tổng Giám đốc, chỉ đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT chuyên trách và bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Lâm – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty với thời hạn bổ nhiệm 3 năm kể từ ngày 16/4/2008.

Sau khi thực hiện việc tiếp nhận lưới điện 110kV Khánh Hòa từ ngày 01/01/2008, để công tác quản lý vận hành tiếp tục được an toàn và ổn định, Công ty đã thành lập thêm Xí nghiệp Lưới điện 110kV với chức năng nhiệm vụ quản lý vận hành lưới điện 110kV tiếp nhận.



Trạm biến áp 110kV

Thành lập mới Điện lực Cam Lâm trên cơ sở khách hàng của 02 Điện lực Diên Khánh và Điện lực Cam Ranh trên địa bàn huyện Cam Lâm.

Thực hiện công tác chuyển CNCNV từ Xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp sang làm việc tại Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa, sắp xếp lại Xí nghiệp xây lắp Công nghiệp.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay bao gồm có : Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, 9 phòng chức năng, 01 Trung tâm viễn thông điện lực, 10 Điện lực, 01 Xí nghiệp xây lắp Công nghiệp, 01 Xí nghiệp Cơ điện-Thí nghiệm điện. Vừa qua HĐQT Công ty cũng đã quyết định sáp nhập Điện lực Cam Ranh và Điện lực Khánh Sơn thành Điện lực Cam Ranh – Khánh Sơn, sáp nhập Điện lực Diên Khánh và Điện lực Khánh Vĩnh thành Điện lực Diên Khánh – Khánh Vĩnh, sáp nhập Phòng Đầu tư vào Phòng Kế hoạch để giảm bớt đầu mối quản lý và bố trí cán bộ quản lý phù hợp hơn nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý điều hành của Công ty.

❖ Chính sách quản trị

- Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế Quản trị Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT nhằm tăng cường sự phối hợp trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban hành các quy chế nội bộ

để thống nhất quản lý trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động SXKD, xác định rõ ràng, đầy đủ nhiệm vụ của từng đơn vị trong bộ máy quản lý của Công ty.

- Thực hiện tốt hệ thống qui trình qui phạm và tiêu chuẩn kỹ thuật trong công tác quản lý kỹ thuật, vận hành lưới điện, công tác kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động. Các nhiệm vụ công việc trong Công ty đều có qui trình nhiệm vụ. Công ty đang rà soát để sửa đổi qui chế phân cấp quản lý trong Công ty nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của các đơn vị trực thuộc Công ty.

- Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức trả lương gắn với năng suất chất lượng và hiệu quả công việc, khuyến khích người lao động tích cực nâng cao năng suất lao động, hiệu quả làm việc. Công ty đang tiến hành cùng với Trường Đại học Lao Động – Xã Hội tổ chức xây dựng thang bảng lương mới cho các chức danh lao động trong Công ty nhằm đánh giá đúng các chức danh công việc khác nhau và có chế độ, chính sách trả lương theo đúng kết quả lao động của từng cá nhân và từng bộ phận. Đã xây dựng và áp dụng thang bảng lương cho các cán bộ quản lý nhằm nâng cao vai trò và đánh giá đúng những đóng góp của các cán bộ quản lý trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, để động viên tinh thần làm việc, nâng cao năng suất lao động của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như toàn thể CBCNV trong Công ty, trong phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 ngày 14/5/2008 đã thông qua cơ chế trích khen thưởng cho CBCNV khi hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận mà ĐHĐCĐ giao.

- Công ty đã xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2000 cho toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngày 06/01/2009 Công ty đã được cấp giấy chứng nhận TCVN ISO 9001:2000 của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp Tiêu chuẩn thuộc Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có giá trị từ ngày 06/01/2009 đến ngày 14/11/2010 cho lĩnh vực: “ Quản lý Vận Hành Lưới Điện và Kinh Doanh Điện Năng; Đại lý cung cấp Dịch vụ Viễn Thông công cộng “.

- Công ty rất quan tâm đến công tác đào tạo nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng, ban hành các quy định về tổ chức bồi dưỡng nghề, giữ và thi nâng bậc cho đội ngũ công nhân kỹ thuật. Thường xuyên tổ chức và tham gia các khóa học đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn do ngành điện và các trường đại học tổ chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV. Hiện nay, Công ty rất chú trọng đến đào tạo nguồn nhân lực quản lý cấp cao là đội ngũ cán bộ quản lý với các chương trình như đào tạo cao học chuyên ngành điện và kinh tế, cử cán bộ tham gia các lớp CEO, kế toán trưởng doanh nghiệp ... để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại cũng như tương lai. Hiện nay Công ty có 03 người có trình độ trên đại học và hiện đang có 04 người đang học trên đại học, 06 người đang theo học các lớp bồi dưỡng ngắn hạn như CEO, CFO...

- Phối hợp Ban Chấp Hành công đoàn Công ty tổ chức Hội nghị người lao động các đơn vị và toàn Công ty để bàn biện pháp thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2008, ký kết thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, thông qua quy chế sử dụng quỹ phúc lợi.

- Bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm chi phí trong các hoạt động đấu thầu mua sắm hàng hoá, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, đầu tư xây dựng ...

❖ Kiểm soát nội bộ:

Nhằm tăng cường công tác kiểm tra phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi dụng chức vụ để thu vén tư lợi, chấn chỉnh các sai phạm trong công tác quản lý. Công ty đã

thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ. Đến nay, bộ phận kiểm soát nội bộ đã thanh kiểm tra toàn bộ các đơn vị trực thuộc Công ty, góp phần chấn chỉnh kịp thời những vi phạm trong công tác quản lý, tham mưu báo cáo HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty để có những biện pháp giải quyết kịp thời và ổn định hoạt động sản xuất của Công ty. Trong năm 2008 Tổng Giám Đốc Công ty đã chỉ đạo tổ chức hơn 30 lượt thanh kiểm tra các đơn vị, qua đó đã kịp thời chỉ đạo uốn nắn nhiều sai sót.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2009:

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Công ty dự kiến kế hoạch tăng vốn điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thuế TNDN năm 2007 được miễn và được giảm năm 2008. Khi đó, vốn điều lệ mới của Công ty là 208.909.030.000 đồng.

Căn cứ theo vốn điều lệ mới, Công ty xây dựng một số chỉ tiêu chính trong hoạt động SXKD năm 2009 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2009
1	Vốn điều lệ (đồng)	208.909.030.000
1	Tổng sản lượng điện (kWh)	1.003.000.000
2	Tỷ lệ điện tổn thất (%)	6,9
3	Sản lượng điện thương phẩm (kWh)	934.500.000
4	Giá bán bình quân (đồng/kWh)	983,5

b. Cổ tức:

Căn cứ vào kết quả thực hiện năm 2008, dự báo tình hình kinh tế của năm 2009 và dựa trên vốn điều lệ mới, Công ty xây dựng 02 phương án kế hoạch cổ tức của Công ty như sau:

❖ Phương án 01:

Trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận năm 2008 và lợi nhuận còn lại của năm 2007 trở về trước, thuế TNDN được miễn năm 2007 và giảm năm 2008 để tăng vốn điều lệ lên 208 tỷ đồng để chi trả một phần giá trị tài sản lưới điện 110kV:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2009	GHI CHÚ
1	Vốn điều lệ	Đồng	208.909.030.000	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,949	
2.1	Lợi nhuận SXĐ	Tỷ đồng	14,624	
2.2	Lợi nhuận SX khác	Tỷ đồng	16,325	
3	Thuế TNDN 25%	Tỷ đồng	7,737	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	23,212	
5	Lợi nhuận chia cổ tức (90%)	Tỷ đồng	20,890	
6	Cổ tức	%	10,00	

❖ Phương án 02:

Trường hợp phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 419 tỷ đồng để chi trả tài sản lưới điện 110kV:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2009	GHI CHÚ
1	Vốn điều lệ	Đồng	419.801.730.000	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	37,325	
2.1	Lợi nhuận SXĐ	Tỷ đồng	21,000	
2.2	Lợi nhuận SX khác	Tỷ đồng	16,325	
3	Thuế TNDN 25%	Tỷ đồng	9,331	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27,994	
5	Lợi nhuận chia cổ tức (90%)	Tỷ đồng	25,194	
6	Cổ tức	%	6,00	

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức niêm yết:** Tập đoàn Điện Lực Việt Nam (**EVN**)
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do tổ chức niêm yết nắm giữ:** *không có*
- Tình hình đầu tư vào các Công ty có liên quan:**

Năm 2008, với sự suy thoái của nền kinh tế thế giới, khó khăn của kinh tế trong nước đã ảnh hưởng đến các hoạt động đầu tư góp vốn của Công ty. Hầu hết các hoạt động đầu tư của Công ty vào các Công ty cổ phần, bất động sản, chứng khoán ... đều giãn hoặc tạm ngưng tiến độ góp vốn. Riêng một số lĩnh vực đầu tư về thiết bị điện, sản phẩm bê tông ly tâm, thủy điện, hợp tác kinh doanh nhà sách ... Công ty tiếp tục thực hiện theo đúng cam kết tiến độ góp vốn. Rút vốn đầu tư khi hoạt động không hiệu quả đối với Công ty cổ phần Tuấn Ân Khánh Hòa.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:**

Trong năm 2008, tình hình hoạt động của các Công ty liên kết còn đang trong giai đoạn góp vốn, xây dựng dự án nên chưa có kết quả kinh doanh.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Cơ cấu tổ chức của tổ chức niêm yết**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm :

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc và 22 đơn vị trực thuộc.

2. Hội đồng Quản trị:



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bùi Quang Hùng
Năm sinh: 25/8/1955
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành thiết bị điện



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thanh Lâm
Ngày tháng năm sinh: 21/9/1961
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng và hệ thống điện



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cao Thành Đức
Ngày tháng năm sinh: 28/5/1949
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Ngành Điện kỹ thuật



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thanh Bình
Năm sinh: 15/6/1955
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế công nghiệp



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Hoàng Anh
Năm sinh: 29/4/1968
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế

3. Ban Tổng Giám đốc :



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Thanh Lâm

Ngày tháng năm sinh: 21/9/1961

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng và hệ thống điện



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Cao Thành Đức

Ngày tháng năm sinh: 28/5/1949

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Ngành Điện kỹ thuật



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Đăng Hiền

Ngày tháng năm sinh: 30/8/1964

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Quản trị kinh doanh – Kỹ sư điện



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Cao Kỳ

Ngày tháng năm sinh: 20/3/1966

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành hệ thống điện

4. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm :

Ngày 14/5/2008, ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 của Công ty đã thông qua việc thống nhất để ông Bùi Quang Hùng thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, chỉ đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty chuyên trách và bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Lâm – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 16/4/2008 với thời hạn bổ nhiệm là 3 năm.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

❖ Tình hình lao động:

- Tổng số lao động hiện có đến ngày 31/12/2008 : 1.193 người

Trong đó : Lao động theo hợp đồng ngắn hạn : 0 người

Lao động theo hợp đồng dài hạn : 1.193 người

Lao động gián tiếp : 266 người

Lao động trực tiếp : 927 người

Cán bộ quản lý: 95 người.

- Các Phòng ban và các Điện lực, các Xí nghiệp trực thuộc:

+ Phòng Hành Chính	: 10 người
+ Phòng Tổ chức	: 29 người
+ Phòng Tài chính	: 13 người
+ Phòng Kế hoạch & QLXD	: 10 người
+ Phòng Kinh doanh	: 17 người
+ Phòng Kỹ thuật – An toàn-BHLĐ:	24 người
+ Phòng Vật tư	: 28 người
+ Phòng Điều độ	: 14 người
+ Các Điện lực & Xí nghiệp SX	: 1.048 người

❖ Chính sách đối với người lao động:

- Các cán bộ, công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng các yêu cầu của hoạt động SXKD.

- Phối hợp với Công đoàn tổ chức các đoàn công tác tham quan học tập trong và ngoài nước cho đội ngũ CBCNV có thành tích xuất sắc đóng góp cho Công ty.

- Công ty cũng có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như:

+ Hằng năm, người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật Lao động.

+ Hằng năm Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

+ Việc nâng lương, xét thưởng được thực hiện công khai, đúng qui định và qui chế nội bộ Công ty.

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Thực hiện đầy đủ việc trích bồi dưỡng các chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại và các chế độ liên quan khác cho người lao động. Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt theo quy định.

6. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban kiểm soát trong năm : Không có

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

□ Thành phần HĐQT: 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Bùi Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT chuyên trách
02	Cao Thành Đức	UV HĐQT	
03	Nguyễn Thanh Lâm	UV HĐQT	
04	Nguyễn Thanh Bình	UV HĐQT	
05	Lê Hoàng Anh	UV HĐQT	Thành viên độc lập không điều hành

□ Thành phần Ban kiểm soát: 03 thành viên

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Tô Hiếu Thuận	Trưởng BKS	
02	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	UV BKS	
03	Lục Xuân Thoi	UV BKS	

□ Khả năng thực hiện trách nhiệm của HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 5 thành viên, trong đó 4/5 thành viên là những cán bộ lãnh đạo, quản lý hoạt động lâu năm trong ngành điện, 1/5 thành viên là tiến sĩ kinh tế hiện đang giữ vai trò giám đốc nghiệp vụ tại quỹ đầu tư Dragon Capital. Một thành viên hiện là thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Các thành viên HĐQT có đầy đủ trình độ (2 người trên đại học, 1 người đang học trên đại học và 2 người đại học) và kinh nghiệm để đưa ra các quyết định đúng đắn về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. Khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2008, HĐQT Công ty đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ hàng quý với sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát Công ty.

□ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT:

STT	Họ tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ (%)
			Cá nhân	Đại diện vốn	Tổng	
01	Bùi Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	21.333	3.656.108	3.677.441	21,1237
02	Cao Thành Đức	UV HĐQT	22.453	2.611.562	2.634.015	15,1301
03	Nguyễn Thanh Bình	UV HĐQT	12.800	2.611.562	2.624.362	15,0747
04	Nguyễn Thanh Lâm	UV HĐQT	17.354		17.354	0,0997
05	Lê Hoàng Anh	UV HĐQT	0	0	0	0,0000

- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các thành viên Ban kiểm soát :**

STT	Họ tên	Chức danh	Số lượng CP			Tỷ lệ (%)
			Cá nhân	Đại diện vốn	Tổng	
01	Tô Hiếu Thuận	Trưởng BKS	1.000	0	1.000	0,0057
02	Lục Xuân Thoi	UV BKS	3.200	0	3.200	0,0184
03	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	UV BKS	39.072	0	39.072	0,2244

- **Thù lao của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty**

Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008, Công ty đã trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2008 như sau:

<i>Đvt: đồng</i>			
Họ Và Tên	Chức danh	Mức lương/ thù lao tháng	Năm 2008
Hội đồng quản trị			310.820.000
Bùi Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	21.000.000	182.070.000
	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	2.500.000	8.750.000
Cao Thành Đức	Ủy viên HĐQT	2.500.000	30.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	2.500.000	30.000.000
Nguyễn Thanh Lâm	Ủy viên HĐQT	2.500.000	30.000.000
Lê Hoàng Anh	Ủy viên HĐQT	2.500.000	30.000.000
Ban kiểm soát			60.000.000
Tô Hiếu Thuận	Trưởng BKS	2.000.000	24.000.000
Lục Xuân Thoi	Ủy viên BKS	1.500.000	18.000.000
Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Ủy viên BKS	1.500.000	18.000.000
TỔNG CỘNG			370.820.000

Ghi chú: Kể từ ngày 16/4/2008, ông Bùi Quang Hùng thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, chỉ đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty chuyên trách.

□ **Các giao dịch liên quan:**

- Ông Lê Hoàng Anh thành viên Hội đồng quản trị Công ty (Cổ đông đại diện cho Amersham Industrial) đã thực hiện giao dịch bán hết toàn bộ 659.526 cổ phiếu KHP sở hữu của Amersham Industrial.
- Ông Tô Hiếu Thuận Trưởng Ban kiểm soát Công ty, cổ đông đại diện cho Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công Thương và đã bán toàn bộ số cổ phiếu KHP sở hữu của Công ty Chứng khoán Ngân Hàng Công Thương.
- Ông Trần Đăng Hiền – Phó Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện giao dịch bán 63.400 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 50.008 cổ phiếu.

Các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty không có bất cứ một giao dịch nào liên quan đến quyền lợi của họ với Công ty, như: mua bán cổ phiếu, mua bán nguyên liệu, vật tư, và các giao dịch khác.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

❖ **Cơ cấu cổ đông (đến ngày 09/5/2009) : bao gồm 3.871 cổ đông sở hữu 17.409.086 cổ phiếu**

1. Tổ chức, trong đó :	50 cổ đông sở hữu 9.627.752 cổ phiếu
- Trong nước	42 cổ đông sở hữu 9.070.494 cổ phiếu
- Ngoài nước	08 cổ đông sở hữu 557.258 cổ phiếu
2. Cá nhân, trong đó :	3.821 cổ đông sở hữu 7.781.334 cổ phiếu
- Trong nước	3.702 cổ đông sở hữu 7.593.252 cổ phiếu
- Ngoài nước	119 cổ đông sở hữu 188.082 cổ phiếu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2008

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- Ông Bùi Quang Hùng - Chủ tịch
- Ông Cao Thành Đức - Ủy viên
- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Ủy viên
- Ông Lê Hoàng Anh - Ủy viên
- Ông Nguyễn Thanh Bình - Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Bùi Quang Hùng - Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2008)
- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2008)
- Ông Cao Thành Đức - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Cao Kỳ - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đăng Hiền - Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thành Lâm

Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2009

Số. 146 /Deloitte- AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIETNAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2009

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0758/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		232.670.414.526	220.780.425.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	132.285.007.521	134.115.487.398
1. Tiền	111		41.095.007.521	16.215.487.398
2. Các khoản tương đương tiền	112		91.190.000.000	117.900.000.000
II. Các khoản phải thu	130		62.498.888.380	43.297.385.753
1. Phải thu khách hàng	131		35.864.775.964	37.968.136.399
2. Trả trước cho người bán	132		17.099.001.173	1.098.003.785
3. Các khoản phải thu khác	138		11.761.740.180	6.795.945.661
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.226.628.937)	(2.564.700.092)
III. Hàng tồn kho	140	5	37.201.301.985	41.359.557.803
1. Hàng tồn kho	141		37.269.228.519	41.563.767.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(67.926.534)	(204.210.055)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		685.216.640	2.007.994.536
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	920.262.051
2. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		-	34.356.877
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		685.216.640	1.053.375.608
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		565.619.026.525	247.985.033.045
I. Tài sản cố định	220		499.623.464.324	202.339.245.603
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	490.315.061.152	183.487.250.460
- Nguyên giá	222		1.036.883.500.209	510.108.699.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(546.568.439.057)	(326.621.449.492)
2. Tài sản cố định vô hình	227		253.355.145	207.555.638
- Nguyên giá	228		358.842.143	228.842.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(105.486.998)	(21.286.505)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	9.055.048.027	18.644.439.505
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		43.500.000.000	28.050.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.000.000.000	100.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	8	50.750.000.000	27.950.000.000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(11.250.000.000)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		22.495.562.201	17.595.787.442
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	20.920.562.201	17.595.787.442
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.575.000.000	-
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		798.289.441.051	468.765.458.535

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		562.883.653.206	254.232.419.931
I. Nợ ngắn hạn	310		136.154.427.580	178.182.398.360
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	10.890.385.920	8.316.413.312
2. Phải trả người bán	312		43.748.321.054	67.659.486.414
3. Người mua trả tiền trước	313		4.009.006.927	3.224.855.540
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		5.710.227.272	4.307.230
5. Phải trả người lao động	315		24.133.344.882	20.584.329.922
6. Chi phí phải trả	316	10	41.933.715.072	47.061.323.858
7. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.729.426.453	31.331.682.084
II. Nợ dài hạn	330		426.729.225.626	76.050.021.571
1. Vay và nợ dài hạn	334	11	425.614.091.246	75.339.795.101
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.115.134.380	710.226.470
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		235.405.787.845	214.533.038.604
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	233.127.141.507	212.060.975.731
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		174.090.860.000	174.090.860.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.382.907.915	1.921.685.194
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.972.722.507	
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.200.552.531	2.832.811.464
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		34.480.098.554	33.215.619.073
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.278.646.338	2.472.062.873
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.278.646.338	2.472.062.873
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		798.289.441.051	468.765.458.535

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2008	31/12/2007
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	566.641.811	566.641.811
2. Nợ khó đòi đã xử lý	3.030.326.224	2.474.044.471

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2009

Người lập



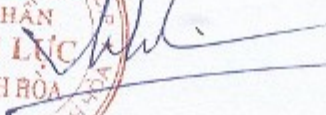
Nguyễn Thị Chí

Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Cử

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Lâm

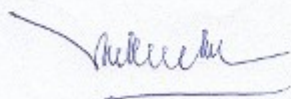
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	842.667.373.014	758.937.490.453
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		51.557.279	32.348.184
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		842.615.815.735	758.905.142.269
4. Giá vốn hàng bán	11	14	727.990.315.971	679.068.450.833
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		114.625.499.764	79.836.691.436
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	7.699.453.104	9.729.804.812
7. Chi phí tài chính	22	16	26.531.281.285	4.891.727.184
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.417.394.996	4.826.910.975
8. Chi phí bán hàng	24		37.794.448.471	27.248.536.047
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.444.527.305	15.589.092.517
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		37.554.695.807	41.837.140.500
11. Thu nhập khác	31	17	16.197.690.149	5.594.865.103
12. Chi phí khác	32		1.201.887.294	1.041.902.998
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.995.802.855	4.552.962.105
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.550.498.662	46.390.102.605
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.414.414.781	-
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		1.575.000.000	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51+52)	60		44.711.083.881	46.390.102.605
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	2.255	2.678

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2009

Người lập



Nguyễn Thị Chí

Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Cử

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thanh Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	52.550.498.662	46.390.102.605
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và hao mòn TSCĐ	2	91.087.343.774	43.739.692.172
Các khoản dự phòng	3	10.775.645.324	1.334.919.820
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	2.773.221.830	47.253.622
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(7.097.847.419)	(9.676.479.449)
Chi phí lãi vay	6	12.417.394.996	4.826.910.975
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	162.506.257.167	86.662.399.745
Tăng các khoản phải thu	9	(18.562.639.126)	(6.045.462.500)
Giảm/(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	7.201.175.772	(19.602.498.690)
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả	11	(44.204.692.906)	57.361.640.379
Tăng chi phí trả trước	12	(2.352.594.041)	(8.602.440.047)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.123.902.742)	(5.052.476.189)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.969.239.320)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	21.870.798
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.606.700.576)	(5.288.187.649)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	93.887.664.228	99.454.845.847
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(41.861.188.266)	(19.610.897.305)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	115.520.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.215.000.000)	(27.850.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.575.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay nhận được	27	7.350.951.775	9.729.804.812
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61.150.236.491)	(37.615.572.493)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.474.726.814)	(14.290.437.276)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.093.180.800)	(6.939.937.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.567.907.614)	(21.230.374.836)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50	(1.830.479.877)	40.608.898.518
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	134.115.487.398	93.506.588.880
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60)	70	132.285.007.521	134.115.487.398

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: chi tiết tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2009

<p>Người lập</p>  <p>Nguyễn Thị Chí</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Nguyễn Thành Cử</p>	<p><i>Tổng Giám đốc</i></p>  <p>Nguyễn Thanh Lâm</p>
--	--	--



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Điện lực Khánh Hòa - Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa và chuyển Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2005.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi là 174.090.860.000 đồng, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 49%.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi số 3703000162 ngày 29 tháng 5 năm 2008, bao gồm các hoạt động sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng. Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các loại máy điện diesel, máy phát điện diesel;
- Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110kv và các công trình viễn thông;
- Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; kinh doanh thiết bị viễn thông; kinh doanh thương mại, dịch vụ khách sạn, thiết bị và phần mềm máy vi tính, bất động sản, đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng, vận chuyển hàng hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Mức trích lập cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi không được trích lập dự phòng mà xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, xử lý nợ tồn đọng. Các khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên phải xử lý như nợ phải thu không có khả năng thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các công trình hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng nhưng chưa được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc theo giá dự toán. Khi công trình được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	3 - 10
Dụng cụ quản lý, tài sản khác	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian là 5 năm.

Chi phí đầu tư xây dựng dở dang

Chi phí đầu tư xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng chưa hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chi phí đầu tư xây dựng dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và chi phí hoạt động viễn thông hỗ trợ cho khách hàng.

Công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Chi phí hoạt động viễn thông hỗ trợ cho khách hàng bao gồm giá trị các tài sản như điện thoại, thẻ cào, cáp, ăng ten, modem cáp... hỗ trợ cho các khách hàng sử dụng theo mức qui định bởi Trung tâm Viễn thông Di động Điện lực và Trung tâm Viễn thông Điện lực miền Nam. Các khoản chi phí hỗ trợ này được phân bổ dần vào chi phí trong thời gian 5 năm (đối với điện thoại, thẻ cào, cáp) và 2 năm (đối với ăng ten, modem cáp) theo hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Nguồn vốn - quỹ

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi là 174.090.860.000 đồng, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 49%.

Các quỹ khác như Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi... do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Chi phí thuế thể hiện số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% trên thu nhập chịu thuế.

Tại Công văn số 2366/CT-QLDN 1 ngày 8 tháng 11 năm 2005, Cục thuế tỉnh Khánh Hòa đã chấp nhận cho Công ty được đăng ký miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho thời gian hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 5 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền mặt	1.131.647.940	551.347.979
Tiền gửi ngân hàng	39.963.359.581	14.044.139.419
Tiền đang chuyển	-	1.620.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	91.190.000.000	117.900.000.000
	132.285.007.521	134.115.487.398

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất tùy theo qui định của mỗi ngân hàng tại từng thời điểm khác nhau.

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.590.375.394	23.162.796.715
Công cụ, dụng cụ	2.293.018.279	2.758.879.243
Chi phí SX, KD dở dang	8.203.621.668	5.607.230.897
Thành phẩm	33.367.567	284.856.465
Hàng hoá	3.148.845.611	9.750.004.538
Cộng giá gốc hàng tồn kho	37.269.228.519	41.563.767.858
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(67.926.534)	(204.210.055)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	37.201.301.985	41.359.557.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2008	14.424.653.783	148.181.662.607	342.580.391.985	4.575.292.813	346.698.764	510.108.699.952
Mua sắm mới	96.761.092	1.727.486.132	6.004.803.554	1.242.881.188	30.254.545	9.102.186.511
XDCB hoàn thành	1.223.614.773	12.256.198.859	18.166.149.989	43.938.852	-	31.689.902.473
Nhận bàn giao từ EVN	9.965.638.443	162.620.012.979	292.834.111.351	13.305.335.289	-	478.725.098.062
Nhận biếu tặng	-	1.389.165.351	4.425.613.845	-	-	5.814.779.196
Tặng khác	-	1.161.092.555	2.778.975.233	-	-	3.940.067.788
Thanh lý	-	(870.524.576)	(1.459.225.075)	(167.484.122)	-	(2.497.233.773)
Tại ngày 31/12/2008	25.710.668.091	326.465.093.907	665.330.820.882	18.999.964.020	376.953.309	1.036.883.500.209
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2008	8.052.005.996	104.288.129.681	210.927.304.222	3.065.641.097	288.368.496	326.621.449.492
Trích khấu hao	1.904.966.805	28.469.173.350	59.924.843.749	686.673.547	17.485.830	91.003.143.281
Nhận bàn giao từ EVN	6.608.261.824	32.222.724.843	89.944.213.765	22.000.000	-	128.797.200.432
Tặng khác	-	579.915.948	1.510.066.975	-	-	2.089.982.923
Thanh lý	-	(610.852.399)	(1.226.013.350)	(106.471.322)	-	(1.943.337.071)
Tại ngày 31/12/2008	16.565.234.625	164.949.091.423	361.080.415.361	3.667.843.322	305.854.326	546.568.439.057
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2007	6.372.647.787	43.893.532.926	131.653.087.763	1.509.651.716	58.330.268	183.487.250.460
Tại ngày 31/12/2008	9.145.433.466	161.516.002.484	304.250.405.521	15.332.120.698	71.098.983	490.315.061.152

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 77.477.986.476 VND (2007: 39.927.052.610 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tại ngày 1 tháng 1	18.644.439.505	7.327.733.716
Tăng trong kỳ	36.358.213.962	23.252.474.889
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(31.689.902.473)	(6.716.915.680)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(130.000.000)	-
Chi phí sửa chữa lớn hoàn thành trong năm	(14.127.702.967)	(5.218.853.420)
Tại ngày 31 tháng 12	9.055.048.027	18.644.439.505

8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Đầu tư trái phiếu	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản ĐL miền Trung	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản ĐL Sài Gòn Vina	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	1.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản EVN-Land Nha Trang	6.000.000.000	-
	50.750.000.000	27.950.000.000

Trong năm 2007, Công ty mua 750.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành, tương ứng với tỷ lệ 5% vốn điều lệ với giá mua là 25.000 đồng/1 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, thị trường chứng khoán đang trong giai đoạn suy giảm. Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư này để ghi giảm giá trị theo mệnh giá do không có giá tham chiếu tin cậy trên thị trường.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trình bày theo giá gốc là phù hợp và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, nếu có, sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tại ngày 1 tháng 1	17.595.787.442	5.836.122.580
Tăng trong năm	11.988.504.018	19.497.973.983
Phân bổ vào chi phí trong năm	(8.663.729.259)	(7.738.309.121)
Tại ngày 31 tháng 12	20.920.562.201	17.595.787.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí lãi vay	9.227.116.784	1.177.445.453
Chi phí phải trả tiền mua điện từ EVN	32.114.786.331	45.213.573.424
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	127.134.592	183.728.476
Khác	464.677.365	486.576.505
	41.933.715.072	47.061.323.858

11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Vay dài hạn	62.092.183.347	64.669.987.230
Vay từ Công ty Điện lực 3 (PC3) cho Dự án "Lưới điện Thành phố Nha Trang" (*)	33.857.920.191	34.557.768.404
Vay từ PC3 cho Dự án "Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối thị trấn Diên Khánh" (**)	28.234.263.156	30.112.218.826
Nợ dài hạn	374.412.293.819	18.986.221.183
Công ty Điện lực 3	17.759.430.768	18.447.461.875
Công ty Thương mại & Đầu tư Khánh Hòa	-	432.216.308
Công ty TNHH Huy Quang	93.223.000	106.543.000
Công ty TNHH Long Phú	3.725.105.988	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (***)	352.834.534.063	-
	436.504.477.166	83.656.208.413
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	10.890.385.920	8.316.413.312
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả	10.538.419.921	7.870.877.004
Nợ dài hạn đến hạn trả	351.965.999	445.536.308
Số phải trả sau 12 tháng	425.614.091.246	75.339.795.101

(*) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa với Công ty Điện lực 3 cho dự án "Lưới điện Thành phố Nha Trang" lãi suất vay là 6,90%/năm.

11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(**) Đây là khoản vay của 3 hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Công ty Điện lực 3 với lãi suất 6,82%/ năm.
- Hợp đồng cho vay lại vốn tín dụng đầu tư phát triển ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Công ty Điện lực 3 với lãi suất 6,60%/năm.
- Hợp đồng cho vay lại vốn tín dụng đầu tư phát triển ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Công ty Điện lực 3 với lãi suất 9,60%/năm.

(***) Phản ánh giá trị còn lại của lưới điện 110KV Khánh Hòa tiếp nhận từ Công ty Truyền tải điện 3 trong năm 2008. Theo Nghị quyết số 690/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 12 năm 2008 và công văn số 5775/EVN-TCKT về việc “tăng vốn điều lệ để hoàn trả EVN khi tiếp nhận lưới điện 110 Khánh Hòa” ngày 15 tháng 12 năm 2008 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, khoản vay này chịu lãi suất như sau:

- Đối với giá trị tài sản hình thành từ vốn vay chưa trả hết nợ gốc vay, lãi vay tính bằng lãi suất thực vay.
- Đối với giá trị tài sản còn lại lấy bằng tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong năm 2007.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, hợp đồng vay chưa được ký kết chính thức. Trong năm 2008, Công ty đã hạch toán chi phí lãi vay với số tiền là 8.209.524.180 đồng theo thông báo của Công ty Truyền tải điện 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 1/1/2007	163.221.000.000	233.566.504	-	1.463.470.957	18.227.370.569	183.145.408.030
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	46.390.102.605	46.390.102.605
Tăng vốn kinh doanh	10.869.860.000	-	-	-	(10.869.860.000)	-
Tăng vốn khác	-	1.688.118.690	-	-	(1.688.118.690)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	1.499.258.507	(1.499.258.507)	-
Chi quỹ	-	-	-	(129.918.000)	-	(129.918.000)
Thường Ban điều hành	-	-	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.499.258.504)	(1.499.258.504)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(14.145.358.400)	(14.145.358.400)
Tại ngày 31/12/2007	174.090.860.000	1.921.685.194	-	2.832.811.464	33.215.619.073	212.060.975.731
Tại ngày 1/1/2008	174.090.860.000	1.921.685.194	-	2.832.811.464	33.215.619.073	212.060.975.731
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	44.711.083.881	44.711.083.881
Điều chỉnh theo quyết toán thuế và kiểm toán nhà nước	-	-	-	-	(350.597.178)	(350.597.178)
Tăng vốn khác (*)	-	5.461.222.721	-	-	(5.461.222.721)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	12.972.722.507	1.367.741.067	(14.340.463.574)	-
Thường Ban điều hành	-	-	-	-	(1.035.676.663)	(1.035.676.663)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.367.741.064)	(1.367.741.064)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(20.890.903.200)	(20.890.903.200)
Tại ngày 31/12/2008	174.090.860.000	7.382.907.915	12.972.722.507	4.200.552.531	34.480.098.554	233.127.141.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(*) Tăng vốn khác phản ánh các tài sản cố định nhận bàn giao từ các Công ty khác (là các đường dây và trạm biến áp được xây dựng trước đây, nay chuyển cho Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa quản lý và vận hành). Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa không phải trả tiền cho các khoản này. Giá trị các tài sản này được ghi tăng vốn khác của chủ sở hữu.

(**) Cổ tức: Trong năm 2008, Công ty đã trả tiền cổ tức đợt 2 cho năm tài chính 2007 với mức 8% bằng tiền mặt, tương đương 13.927.628.800 đồng. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã quyết định tạm phân phối lợi nhuận đợt 1 năm 2008 với mức 4%, tương đương 6.963.634.400 đồng. Việc phân phối lợi nhuận chính thức của năm 2008 sẽ được Đại hội cổ đông thông qua vào tháng 4 năm 2009.

CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.409.086	17.409.086
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.409.086	17.409.086

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2008</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2007</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán điện	786.711.742.612	722.910.342.634
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	55.955.630.402	36.027.147.819
Xây lắp điện	11.738.886.541	6.079.747.253
Khảo sát, thiết kế công trình điện	607.796.198	514.879.371
Gia công, cơ khí	11.170.764.838	4.543.888.632
Mắc dây, đặt điện	3.722.119.494	2.754.814.497
Sửa chữa, thí nghiệm điện	3.453.444.759	1.461.935.841
Dịch vụ viễn thông	19.355.714.514	17.289.885.228
Sản xuất sản phẩm khác	5.906.904.058	3.381.996.997
	<u>842.667.373.014</u>	<u>758.937.490.453</u>

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn bán điện	692.337.806.312	654.973.722.978
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	35.652.509.659	24.094.727.855
Xây lắp điện	10.237.397.693	5.434.826.812
Khảo sát, thiết kế công trình điện	354.247.090	350.414.237
Giá công, cơ khí	9.313.120.202	4.132.691.855
Mắc dây, đặt điện	2.582.950.023	1.135.334.043
Sửa chữa, thí nghiệm điện	2.255.875.255	1.102.873.248
Dịch vụ viễn thông	7.482.734.308	10.166.854.601
Sản xuất sản phẩm khác	3.426.185.088	1.771.733.059
	727.990.315.971	679.068.450.833

Giá vốn bán điện chủ yếu là tiền mua điện thương phẩm theo đơn giá quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.634.744.121	9.712.804.812
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	17.000.000	17.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	47.708.983	-
	7.699.453.104	9.729.804.812

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí lãi vay	12.417.394.996	4.826.910.975
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.664.459	17.562.587
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.773.221.830	47.253.622
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.250.000.000	-
	26.531.281.285	4.891.727.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	1.646.805.689	2.817.759.562
Phạt vi phạm hợp đồng	119.181.023	31.425.007
Thu nhập từ quà biếu, quà tặng	7.585.031.554	2.344.609.292
Thu nhập khác	6.846.671.883	401.071.242
	16.197.690.149	5.594.865.103

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44.711.083.881	46.390.102.605
Điều chỉnh cho các khoản:		
<i>Lợi nhuận từ tài sản nhận bàn giao</i>	<i>5.461.222.721</i>	<i>1.688.118.690</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	39.249.861.160	44.701.983.915
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.409.086	16.694.355
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.255	2.678

19. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Ngày 23 tháng 8 năm 2006, Công ty đã ký Biên bản cuộc họp về triển khai việc hợp tác đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Sông Trang để thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Trang với vốn điều lệ 16 tỷ đồng tương ứng 1.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với tỷ lệ góp vốn như sau:

Đơn vị góp vốn	%	Số lượng cổ phần
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	45%	720.000
Công ty Cổ phần Sông Cầu	30%	480.000
Công ty Bảo hiểm Dầu khí	25%	400.000

Dự kiến thời gian thành lập Công ty là tháng 10 năm 2006; khởi công quý 1 năm 2007 và phát điện vào quý 4 năm 2008. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty cổ phần trên chưa được thành lập như dự kiến.

- Ngày 31 tháng 8 năm 2006, Công ty đã ký Biên bản cuộc họp về triển khai việc hợp tác đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Sông Cầu và Khánh Thượng để thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Hòa với vốn điều lệ 15 tỷ đồng tương ứng 1.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với tỷ lệ góp vốn như sau:

Đơn vị góp vốn	%	Số lượng cổ phần
Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	30%	450.000
Công ty TNHH AC	23%	345.000
Công ty CP Sông Cầu	17%	255.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty TNHH Thành Long	15%	225.000
Công ty TNHH TST	15%	225.000

Dự kiến thời gian thành lập Công ty là tháng 10 năm 2006; khởi công quý 2 năm 2007 và phát điện vào quý 4 năm 2009. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty cổ phần trên chưa được thành lập như dự kiến.

- Ngày 16 tháng 6 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 54/QĐ-DLKH-HDQT góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN-Lào, số tiền 6 tỷ đồng chiếm 0,25% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, số vốn trên chưa được góp do chưa thành lập Công ty Cổ phần EVN – Lào.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 120/NQ-DLKH-HDQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 với số tiền 12 tỷ đồng, tương ứng 2% vốn điều lệ. Ngày 22 tháng 2 năm 2008, Công ty đã góp đợt 1 với số tiền là 1,8 tỷ đồng.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 122/NQ-DLKH-HDQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Thủy điện Sông Chò với số tiền 8 tỷ đồng, tương ứng với 20% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp 900 triệu đồng.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 121/NQ-DLKH-HDQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản miền Trung với số tiền 30 tỷ đồng, tương ứng 2% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp 9 tỷ đồng.
- Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị lần thứ 11 ngày 31 tháng 10 năm 2007, Công ty sẽ tham gia đầu tư vào các đơn vị sau:
 - Đầu tư vào Công ty Bất động sản Điện lực Nha Trang với số tiền là 80 tỷ đồng, chiếm 8% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp 6 tỷ đồng.
 - Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Bắc Cam Ranh với số tiền là 18,6 tỷ đồng, chiếm 31% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty thực hiện việc góp vốn.

20. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm:

- Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 1.180.531.838 đồng (2007: 7.769.264.525 đồng), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.
- Tiền chi để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 349.927.897.630 đồng là giá trị còn lại của lưới điện 110KV nhận bàn giao từ Công ty Truyền tải điện 3 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh tại khoản mục tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được.
- Các nghiệp vụ phân chia lợi nhuận sau thuế để tăng vốn điều lệ và tặng các quỹ: thuyết minh số 12.

21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị lần thứ 15 ngày 26 tháng 2 năm 2009, Công ty quyết định chia cổ tức đợt 2 năm 2008 bằng tiền mặt với tỷ lệ 6% và cổ phiếu với tỷ lệ 7,3%. Đồng thời, Hội đồng Quản trị cũng thông qua phương án sử dụng nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm của năm 2007 và 2008 với số tiền khoảng 22.292 triệu đồng để phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ nhằm chi trả một phần giá trị tài sản lưới điện 110KV cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Đồng thời, Công ty sẽ tăng phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chồ từ 8 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ góp vốn từ 20% lên 45%).

Ngoài các sự kiện đã được trình bày như trên, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

22. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện thương phẩm	451.516.930.339	571.156.884.039
Nhận bàn giao tài sản cố định	349.927.897.630	-
Nhận vật tư bàn giao	2.906.636.433	-
Công ty Điện lực 3		
Trả gốc vay	5.329.173.459	13.346.206.461
Trả lãi vay	3.039.215.742	5.052.476.189
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chồ		
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	1.058.112.000	-

22. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2008</u> VND	<u>31/12/2007</u> VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	32.114.786.331	53.948.260.268
Tiền mua điện thương phẩm	32.114.786.331	46.733.884.268
Cổ tức phải trả	-	7.214.376.000
Công ty Điện lực 3	90.817.021.079	92.094.646.193
Gốc vay công trình cải tạo lưới điện phân phối Nha Trang	33.857.920.191	34.557.768.404
Gốc vay công trình cải tạo lưới điện phân phối Diên Khánh	28.234.263.156	30.112.218.826
Gốc nợ công trình cải tạo lưới điện phân phối Diên Khánh	16.571.126.310	16.571.126.310
Gốc nợ nguồn hình thành tài sản tài sản từ nguồn vốn khấu hao cơ bản của Công ty Điện lực 3	1.188.304.458	1.188.304.458
Phải trả khác	10.965.406.964	9.665.228.195
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chè		
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	1.111.017.600	-

23. THÔNG TIN SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Quang Hùng